

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B L
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/DS-ST

Ngày: 25-9-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B L - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Oanh Thy.
- Ông Tống Văn Truyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B L, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B L, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Lê Hà Thảo Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B L, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2023/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1946.

Địa chỉ: Số 18, đường Nguyễn Văn Siêu, khu phố 3, thị trấn B L, huyện B L, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích Duyên, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 28, đường Nguyễn Văn Siêu, khu phố 3, thị trấn B L, huyện B L, tỉnh Long An.

(Giấy ủy quyền ngày 30/12/2021).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp 4, xã T P, huyện B L, tỉnh Long An.

(Bà Duyên có mặt, bà N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 30/12/2021, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 18/8/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và

tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L do người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị Bích Duyên trình bày:

Ngày 16/12/2018 bà Nguyễn Thị Kim L có cho bà Nguyễn Thị Hồng N mượn số tiền 700.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn mượn tiền là 5 tháng, khi mượn tiền bà L và bà N có làm giấy tay mượn tiền.

Khi mượn tiền, bà N có giao cho bà L 01 (Một) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 151744 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn Giác ngày 22/7/2016 để làm tin.

Trong quá trình mượn tiền, bà N không trả bất kỳ khoản tiền lãi nào cho bà L. Đến ngày 05/9/2019 bà N đã trả cho bà L số tiền 400.000.000 đồng, bà L đã trả lại cho bà N bản chính Giấy mượn tiền ngày 16/12/2018 và 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 151744 nêu trên, nên bà N còn nợ bà L số tiền 300.000.000 đồng, hai bên có làm “Giấy cam kết thỏa thuận” ngày 05/9/2019.

Nay bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N phải trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Sự việc đã được Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và lập thủ tục hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B L, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Ngày 16/12/2018 bà L cho bà N mượn số tiền 700.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, thời hạn 5 tháng, khi mượn tiền bà L và bà N có lập Giấy mượn tiền, bà N giao cho bà L 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 151744 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn Giác ngày 22/7/2016 để làm tin. Ngày 05/9/2019 bà N đã trả cho bà L số tiền 400.000.000 đồng, đồng thời bà L đã trả lại cho bà N bản chính Giấy mượn tiền ngày 16/12/2018 và 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 151744. Theo đơn khởi kiện ngày 30/12/2021 bà L khởi kiện yêu cầu bà N trả số tiền 700.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác định do bà L có sự nhầm lẫn về việc bị đơn đã trả số tiền 400.000.000 đồng theo Giấy cam kết ngày 05/9/2019 nên đơn khởi kiện ngày 30/12/2021 chưa chính xác, nay bà L xác định bà N còn nợ bà L số tiền 300.000.000 đồng và cam kết bà N không trả cho bà L số tiền nào từ ngày 05/9/2019 cho đến nay. Đến hạn bà N không trả đủ số tiền còn nợ cho bà L theo thỏa thuận tại Giấy cam kết ngày 05/9/2019 là vi phạm thỏa thuận giữa hai bên, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền còn nợ 300.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Về tiền lãi: Nguyên đơn rút lại yêu cầu

khởi kiện về việc buộc bị đơn trả lãi với lãi suất 0.75%/tháng, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu trên. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, bị đơn không có bất cứ văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 351, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L, buộc bà Nguyễn Thị Hồng N trả cho bà L số tiền 300.000.000 đồng; đình chỉ đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi với lãi suất 0.75%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Kim L khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N trả số tiền 300.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng N có địa chỉ cư trú tại Ấp 4, xã T P, huyện B L, tỉnh Long An. Do đó, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B L, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét yêu cầu của bà L yêu cầu bà N phải trả số tiền nợ vay. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung cùng ngày 30/12/2021 bà L yêu cầu bà N trả số tiền nợ là 700.000.000 đồng, đến ngày 18/8/2023 bà L nộp đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bà N trả số tiền nợ 300.000.000 đồng vì bà N đã trả cho bà L số tiền 400.000.000 đồng. Căn cứ vào giấy tay mượn tiền ngày 16/12/2018 do bà L cung cấp thể hiện ngày 16/12/2018 bà N có mượn của bà L số tiền 700.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, thời hạn mượn tiền là 5 tháng, trong giấy tay mượn tiền có chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Hồng N, “Giấy cam kết thỏa thuận” ngày 05/9/2019 thể hiện bà N đã trả cho bà L số tiền 400.000.000 đồng, nên bà N còn nợ bà L số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng bà N trả cho bà L số tiền 10.000.000 đồng, thời hạn trả là bắt đầu từ ngày 01/10/2019, trong giấy cam kết thỏa thuận tại mục “Bên B” có chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Hồng N, nên giữa bà Nguyễn Thị Kim L và bà Nguyễn Thị Hồng N đã xác lập hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 470 Bộ luật Dân sự năm

2015. Đến hạn trả nợ, nhưng bà N không trả tiền nợ cho bà L, việc bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là đã vi phạm vào hợp đồng các bên đã xác lập.

[2.2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn để bị đơn có ý kiến và cung cấp chứng cứ. Tuy nhiên, bị đơn bà N vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào thể hiện ý kiến về việc vay nợ nêu trên. Trong khi đó theo Giấy yêu cầu xác minh ngày 04/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện B L thì Công an xã Thanh Phú xác nhận thông tin bà Nguyễn Thị Hồng N có đăng ký thường trú tại Ấp 4, xã T P, huyện B L, tỉnh Long An và hiện tại đang sinh sống tại địa phương. Việc bà N vắng mặt và không phản đối những chứng cứ và yêu cầu của nguyên đơn bà L đưa ra nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn xác định bà N còn nợ bà L số tiền 300.000.000 đồng nhưng bà N không thanh toán số tiền trên cho bà L là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu trả số nợ vay của bà L là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Theo đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung cùng ngày 30/12/2021 bà L yêu cầu bà N trả số tiền lãi là 252.000.000 đồng với lãi suất 0.75%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Duyên rút lại yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N phải trả số tiền lãi 252.000.000 đồng với mức lãi suất 0.75%/tháng.

[2.4] Tại phiên tòa, bà Duyên xác định khi bà N trả cho bà L số tiền 400.000.000 đồng thì bà L đã trả lại cho bà N 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 151744 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp cho ông Nguyễn Văn Giác ngày 22/7/2016. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt và không có ý kiến gì về việc trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ thể: 300.000.000 đồng x 5% = 15.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L đối với bà Nguyễn Thị Hồng N về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng N phải trả số tiền lãi 252.000.000 đồng.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện B L;
- THADS huyện B L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Thảo